

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT  
HOA PHAT AGRICULTURE  
DEVELOPMENT JOINT STOCK  
COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 31/2026/TB-PTNN  
No.: 31/2026/TB-PTNN

Hung Yên, ngày 29 tháng 07 năm 2026  
Hung Yen, day 29 month 07 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**To: Hochiminh Stock Exchange/ State Securities Commission of Vietnam**

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT/ HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: HPA

- Địa chỉ/Address: Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02462797000

Fax:

- E-mail: ir.hpa@hoaphat.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026/ Report on corporate governance 1<sup>st</sup> 6 months of 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn : <https://nongnghiep.hoaphat.com.vn/>

This information was published on the company's website on 29/07/2026, as in the link: <https://nongnghiep.hoaphat.com.vn.>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Tài liệu đính kèm/Attached documents: Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026/ Report on corporate governance 1st 6 months of 2026**

**Đại diện tổ chức  
Organization representative**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phạm Thị Hồng Vân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT  
HOA PHAT AGRICULTURE  
DEVELOPMENT JOINT STOCK  
COMPANY**

Số: 04/2026/BC-NNHP  
No: 04/2026/BC-NNHP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Hung Yên, ngày 29 tháng 07 năm 2026  
Hung Yen, July 29, 2026

**BÁO CÁO  
Tình hình quản trị công ty  
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(6 tháng)  
(6 months)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT/ HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam

- Điện thoại/Telephone: 02462797000 Fax: Email: ir.hpa@hoaphat.com.vn

- Vốn điều lệ/Charter capital: 2.850.000.000.000 VND

- Mã chứng khoán/Stock symbol: HPA

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ The implementation of internal audit:

Đang thực hiện các công việc sau: Giám sát báo cáo tài chính; thực hiện giám sát kiểm tra báo cáo tài chính của các công ty thành viên, công ty mẹ hàng tháng, báo cáo quý, giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập, giám sát giá mua vật tư hàng hóa toàn tập đoàn, kiểm tra tính tuân thủ các quy trình mua hàng, công nợ, hàng tồn kho.../

Currently performing the following tasks: Monitoring financial statements; conducting monthly monitoring and review of financial statements of member companies and the parent company, quarterly reports, overseeing independent audit services, monitoring group-wide procurement prices for materials and goods, checking compliance with procurement, payables, and inventory processes, etc.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/

*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| STT/<br>No. | Số Nghị<br>quyết/Quyết định/<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày/<br>Date | Nội dung/<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------|------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | 01/NQ-<br>ĐHĐCĐ.2026                                       | 21/04/2026    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026.</li> <li>- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị.</li> <li>- Thông qua báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</li> <li>- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.</li> <li>- Thông qua phương án sử dụng/phân chia lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025 và đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.</li> <li>- Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025.</li> <li>- Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2026.</li> <li>- Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty.</li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025.</li> <li>- Thông qua báo cáo thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025./</li> <li>- <i>Approving the production and business plan for 2026.</i></li> <li>- <i>Approving the Report of the Board of Directors.</i></li> <li>- <i>Approving the report of the independent member of the Board of Directors.</i></li> <li>- <i>Approving the report of the Supervisory Board.</i></li> <li>- <i>Approving the plan for the use/distribution of accumulated undistributed after-tax profit as of December 31, 2025, and proposing the 2026 profit distribution plan.</i></li> <li>- <i>Approving the plan for payment of 2025 dividends.</i></li> <li>- <i>Approving the expected 2026 dividend payment rate.</i></li> <li>- <i>Approving the amended contents of the Company's Charter.</i></li> <li>- <i>Approving the 2025 Consolidated Financial Statements.</i></li> <li>- <i>Approving the report on remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board for 2025.</i></li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Board of Directors (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

| Stt/<br>No. | Thành viên HĐQT/<br><i>Board of Directors'</i><br><i>members</i>   | Chức vụ/<br><i>Position</i>                                                               | Ngày bắt đầu/không còn là<br>thành viên HĐQT/ HĐQT độc<br>lập/<br><i>The date becoming/ceasing to be<br/>the member of the Board of<br/>Directors</i> |                                                     | Ghi chú/<br><i>Note</i> |
|-------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------|
|             |                                                                    |                                                                                           | Ngày bổ nhiệm/<br><i>Date of<br/>appointment</i>                                                                                                      | Ngày miễn<br>nhiệm/<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |                         |
| 1           | Ông Nguyễn Việt<br>Thắng<br><i>Mr. Nguyen Viet<br/>Thang</i>       | Chủ tịch HĐQT<br><i>Chairman of the<br/>Board of Directors</i>                            | 04/09/2025                                                                                                                                            |                                                     |                         |
| 2           | Bà Nguyễn Thị Thanh<br>Vân<br><i>Mrs. Nguyen Thi<br/>Thanh Van</i> | Phó Chủ tịch<br>HĐQT<br><i>Vice Chairman of<br/>the Board of<br/>Directors</i>            | 04/09/2025                                                                                                                                            |                                                     |                         |
| 3           | Ông Tạ Tuấn Quang<br><i>Mr. Ta Tuan Quang</i>                      | Thành viên HĐQT<br>độc lập<br><i>Independent<br/>Member of the<br/>Board of Directors</i> | 04/09/2025                                                                                                                                            |                                                     |                         |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt/<br>No. | Thành viên HĐQT/<br><i>Board of Director'</i><br><i>member</i>     | Số buổi họp<br>HĐQT tham dự/<br><i>Number of<br/>meetings attended<br/>by Board of<br/>Directors</i> | Tỷ lệ tham dự họp/<br><i>Attendance rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp/<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|-------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1           | Ông Nguyễn Việt<br>Thắng<br><i>Mr. Nguyen Viet<br/>Thang</i>       | 9/9                                                                                                  | 100%                                         |                                                               |
| 2           | Bà Nguyễn Thị Thanh<br>Vân<br><i>Mrs. Nguyen Thi<br/>Thanh Van</i> | 9/9                                                                                                  | 100%                                         |                                                               |
| 3           | Ông Tạ Tuấn Quang<br><i>Mr. Ta Tuan Quang</i>                      | 9/9                                                                                                  | 100%                                         |                                                               |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management  
by the Board of Directors:*

- Thường xuyên chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đạt được các mục tiêu đề ra.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các dự án đầu tư của Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật hiện hành./
- *Regularly directing and supervising the Company's Board of Directors in implementing production and business plans to achieve the set goals.*
- *Inspecting and supervising the implementation of the Company's investment projects.*
- *Checking the compliance with and adherence to the regulations of the Law on Enterprises, the Company's Charter, and current applicable Laws.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

Không có/None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report):

| STT<br>/No. | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/D<br/>ecision No.</i> | Ngày/<br><i>Date</i> | Nội dung/<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ thông<br>qua/<br><i>Approval rate</i> |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1           | 01/2026/QĐ-<br>HĐQT                                                    | 05/01/2026           | Thông qua Phương án xử lý đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết/<br><i>Approving the Plan for handling the undistributed shares</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%                                        |
| 2           | 02/2026/QĐ-<br>HĐQT                                                    | 06/01/2026           | - Thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng<br>- Thông qua thay đổi vốn điều lệ/<br><i>Approving the Results of the initial public offering of shares</i><br>- <i>Approving the change of charter capital</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100%                                        |
| 3           | 03/2026/QĐ-<br>HĐQT                                                    | 14/01/2026           | - Thông qua số tiền ròng thu được từ đợt chào bán và Phương án xử lý số tiền Nhà đầu tư nộp nhầm/nộp dư/mất cọc;<br>- Thông qua điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán<br>- Thông qua triển khai việc góp tăng vốn điều lệ tại Công ty thành viên/<br><i>Approving the net proceeds from the offering and the Plan for handling amounts mistakenly paid/overpaid/forfeited deposits by Investors;</i><br>- <i>Approving the adjustment of the Plan for use of proceeds collected from the offering</i><br>- <i>Approving the implementation of capital</i> | 100%                                        |

|   |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|---|-----------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|   |                 |            | <i>contribution to increase charter capital at the Subsidiary Company</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
| 4 | 04/2026/QĐ-HĐQT | 19/01/2026 | Thông qua giá tham chiếu cổ phiếu Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát vào ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/<br><i>Approving the reference price of shares of Hoa Phat Agriculture Development Joint Stock Company on the first trading day at the Ho Chi Minh City Stock Exchange</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100% |
| 5 | 05/2026/QĐ-HĐQT | 30/01/2026 | Thông qua giao dịch với bên liên quan/<br><i>Approving related-party transactions</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100% |
| 6 | 06/2026/QĐ-HĐQT | 25/02/2026 | - Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức và chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026<br>- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/<br>- <i>Approving the time, venue for organizing and the record date for finalizing the list of shareholders to hold the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i><br>- <i>Approving the finalization of the shareholder list for the purpose of convening the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100% |
| 7 | 07/2026/QĐ-HĐQT | 27/03/2026 | - Thông qua Quy chế ĐHĐCĐ thường niên năm 2026<br>- Thông qua Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ<br>- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2026 trình ĐHĐCĐ<br>- Thông qua tình hình phân phối lợi nhuận năm 2025, đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 trình ĐHĐCĐ<br>- Thông qua phương án chi trả cổ tức phần còn lại năm 2025 trình ĐHĐCĐ<br>- Thông qua tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2026 trình ĐHĐCĐ<br>- Thông qua nội dung Điều lệ công ty trình ĐHĐCĐ<br>- Thông qua BCTC được kiểm toán năm 2025 trình ĐHĐCĐ<br>- Thông qua mức thù lao HĐQT và BKS năm 2026 trình ĐHĐCĐ/<br>- <i>Approving the Regulations of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i><br>- <i>Approving the Board of Directors' Report to be submitted to the General Meeting of</i> | 100% |

|   |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|---|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|   |                 |            | <p><i>Shareholders</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Approving the Report on production and business results for 2025 and the production and business plan for 2026 to be submitted to the General Meeting of Shareholders</li> <li>- Approving the 2025 profit distribution status and proposing the 2026 profit distribution plan to be submitted to the General Meeting of Shareholders</li> <li>- Approving the plan for payment of the remaining 2025 dividend to be submitted to the General Meeting of Shareholders</li> <li>- Approving the expected 2026 dividend rate to be submitted to the General Meeting of Shareholders</li> <li>- Approving the contents of the Company's Charter to be submitted to the General Meeting of Shareholders</li> <li>- Approving the audited 2025 Financial Statements to be submitted to the General Meeting of Shareholders</li> <li>- Approving the remuneration levels of the Board of Directors and the Supervisory Board for 2026 to be submitted to the General Meeting of Shareholders</li> </ul> |      |
| 8 | 08/2026/NQ-HĐQT | 05/05/2026 | <p>Về việc triển khai phương án chi tiết trả cổ tức năm 2025/<br/>Regarding the implementation of the detailed plan for payment of 2025 dividends</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100% |
| 9 | 09/2026/NQ-HĐQT | 27/05/2026 | <p>Về việc thay đổi mẫu dấu của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát/<br/>Regarding the change of the company seal specimen of Hoa Phat Agriculture Development Joint Stock Company</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100% |

862  
 T  
 H  
 A  
 N  
 H  
 H  
 A  
 P  
 H  
 V  
 G

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/Board of Supervisors (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors:

| Stt/<br>No. | Thành viên BKS/<br>Members of Board of<br>Supervisors | Chức vụ/<br>Position | Ngày bắt<br>đầu/không còn là<br>thành viên BKS/<br>The date<br>becoming/ceasing<br>to be the member<br>of the Board of<br>Supervisors | Trình độ chuyên<br>môn/<br>Qualification |
|-------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
|-------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|   |                                                            |                                                             |            |                                                  |
|---|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------|
| 1 | Bà Ngô Lan Anh<br><i>Mrs Ngo Lan Anh</i>                   | Trưởng BKS<br><i>Head of the Board of Supervisors</i>       | 04/09/2025 | Cử nhân Luật<br><i>Bachelor of Laws</i>          |
| 2 | Bà Vũ Thanh Thủy<br><i>Mrs Vu Thanh Thuy</i>               | Thành viên BKS<br><i>Member of the Board of Supervisors</i> | 04/09/2025 | Cử nhân Kế toán<br><i>Bachelor of Accounting</i> |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thu Trang<br><i>Mrs Nguyen Thi Thu Trang</i> | Thành viên BKS<br><i>Member of the Board of Supervisors</i> | 04/09/2025 | Cử nhân Kế toán<br><i>Bachelor of Accounting</i> |

2. Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of Supervisors:*

| Stt/<br>No. | Thành viên BKS/<br><i>Members of Board of Supervisors</i>  | Số buổi<br>họp<br>tham<br>dự/<br><i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp/<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết/<br><i>Voting rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp/<br><i>Reasons for absence</i> |
|-------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1           | Bà Ngô Lan Anh<br><i>Mrs Ngo Lan Anh</i>                   | 2/2                                                                 | 100%                                            | 100%                                    |                                                           |
| 2           | Bà Vũ Thanh Thủy<br><i>Mrs Vu Thanh Thuy</i>               | 2/2                                                                 | 100%                                            | 100%                                    |                                                           |
| 3           | Bà Nguyễn Thị Thu Trang<br><i>Mrs Nguyen Thi Thu Trang</i> | 2/2                                                                 | 100%                                            | 100%                                    |                                                           |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý của công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT.
- Kiến nghị HĐQT các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị, Điều lệ Công ty và các văn bản của Ban lãnh đạo Công ty.

YÊN NGÃ VÊ

- Xem xét việc thực hiện và tiến độ thực hiện các dự án trong giai đoạn đầu tư./
- *Supervising the Board of Directors and the General Director in the management and administration of the Company.*
- *Examining the reasonableness, lawfulness, truthfulness, and level of prudence in the management and administration of business operations, and in the organization of accounting, statistical work, and preparation of financial statements.*
- *Appraising the Company's business performance reports, quarterly financial statements, and the Board of Directors' management reports.*
- *Recommending to the Board of Directors measures for amending, supplementing, and improving the organizational structure of management and administration of the Company's business operations.*
- *Supervising the implementation of Resolutions of the General Meeting of Shareholders, Resolutions/Decisions of the Board of Directors, the Company's Charter, and documents of the Company's Management Board.*
- *Reviewing the implementation and progress of projects during the investment phase.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đề xuất ý kiến nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty./

*Participating fully in the meetings of the Board of Directors, and proposing opinions to enhance the operational efficiency of the Company.*

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):*

Không có/*None.*

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT/<br>No. | Thành viên Ban điều hành/<br><i>Members of Board of Management/</i> | Ngày tháng năm sinh/<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn/<br><i>Qualification</i>    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br><i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i> |
|-------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Bà Phạm Thị Hồng Vân<br><i>Mrs Pham Thi Hong Van</i>                | 12/02/1974                                   | Cử nhân Kinh tế<br><i>Bachelor of Economics</i> | 16/10/2023                                                                                                                           |

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên/<br><i>Name</i>                                           | Ngày tháng<br>năm sinh/<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br>nghề nghiệp/<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn<br>nhiệm/<br><i>Date of appointment/<br/>dismissal</i> |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hồng<br>Thắng<br><i>Mrs Nguyen Thi Hong<br/>Thang</i> | 29/10/1987                                      | Cử nhân Kinh tế<br><i>Bachelor of<br/>Economics</i>         | 17/02/2017                                                                 |

#### **VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:***

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Chưa tham gia/ *Not yet participated.*

#### **VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company***

##### **1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company:***

Phụ lục 01 đính kèm/ *attached Appendix No.01.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

Phụ lục 02 đính kèm/ *attached Appendix No.02.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Không có/*None.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

Phụ lục 02 đính kèm/ *attached Appendix No.02.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

Không có/None.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

Không có/None.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*

Phụ lục 03 đính kèm/ *attached Appendix No.03.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:*

Không có/None.

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues:**

Không có/None.

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- Như kính gửi/As above;
- Lưu/Archived.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Nguyễn Việt Cường**

Phụ lục 01/Appendix 01  
Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

| STT /<br>No.                                                               | Tên tổ chức/cá nhân/<br>Name of organization/individual                   | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có)/<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có) /<br>Position at the Company<br>(if any)                                                             | Số Giấy NSH/<br>NSH No. | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp /<br>place of issue                                                         | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên<br>hệ/<br>Address                                                                  | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan/<br>Time of starting<br>to be affiliated<br>person | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/<br>Time of ending<br>to be affiliated<br>person | Lý do/<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| A. Người nội bộ của công ty /<br>A. Internal persons of the Company        |                                                                           |                                                                                             |                                                                                                                                      |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       |                                                                                                  |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Ông Nguyễn Việt Thắng /<br>Mr. Nguyen Viet Thang                          |                                                                                             | Chủ tịch HĐQT /<br>Chairman of the Board<br>of Directors                                                                             |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Nguyễn Thị Thanh Vân /<br>Mrs. Nguyen Thi Thanh Van                    |                                                                                             | Phó Chủ tịch HĐQT /<br>Vice Chairman of the<br>Board of Directors                                                                    |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Ông Tạ Tuấn Quang /<br>Mr. Ta Tuan Quang                                  |                                                                                             | Thành viên HĐQT độc<br>lập /<br>Independent Member of<br>the Board of Directors                                                      |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Phạm Thị Hồng Vân /<br>Mrs. Phạm Thi Hong Van                          |                                                                                             | Tổng giám đốc /<br>General Director                                                                                                  |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 16/10/2023                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Ngô Lan Anh /<br>Mrs. Ngo Lan Anh                                      |                                                                                             | Trưởng BKS /<br>Head of the Supervisory<br>Board                                                                                     |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Vũ Thanh Thủy /<br>Mrs. Vu Thanh Thuy                                  |                                                                                             | Thành viên BKS /<br>Member of the<br>Supervisory Board                                                                               |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Nguyễn Thị Thu Trang /<br>Mrs. Nguyen Thi Thu Trang                    |                                                                                             | Thành viên BKS /<br>Member of the<br>Supervisory Board                                                                               |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Nguyễn Thị Hồng Thắng /<br>Mrs. Nguyen Thi Hong Thang                  |                                                                                             | Kế toán trưởng /<br>Chief Accountant                                                                                                 |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 17/02/2017                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Bùi Thị Hải Vân /<br>Mrs. Bui Thi Hai Van                              |                                                                                             | Người phụ trách Kiểm<br>toán nội bộ /<br>Person in charge of<br>Internal Audit                                                       |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
|                                                                            | Bà Tào Nguyệt Anh /<br>Mrs. Tao Nguyệt Anh                                |                                                                                             | Người phụ trách quản trị<br>công ty kiểm Thư ký<br>công ty /<br>Person in charge of<br>Corporate Governance<br>cum Company Secretary |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       | 04/09/2025                                                                                       |                                                                                                  |                   |                                                                              |
| B. Người có liên quan là tổ chức/<br>B. Affiliated person as organizations |                                                                           |                                                                                             |                                                                                                                                      |                         |                            |                                                                                     |                                                                                                                       |                                                                                                  |                                                                                                  |                   |                                                                              |
| 1                                                                          | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát /<br>Hoa Phat Group Joint Stock Company |                                                                                             |                                                                                                                                      | 0900189284              | 26/10/2001                 | Sở Tài chính tỉnh<br>Hưng Yên /<br>Department of<br>Finance of Hung<br>Yen Province | KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn<br>Linh, tỉnh Hưng Yên /<br>KCN Pho Noi A, Nguyen Van Linh<br>Commune, Hung Yen Province | 02/02/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty mẹ /<br>Parent company                                               |

| STT /<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân/<br>Name of organization/individual                                               | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có)/<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có) /<br>Position at the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH/<br>NSH No. | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp /<br>place of issue                                                             | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên<br>hệ/<br>Address                                                                                                                                           | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan/<br>Time of starting<br>to be affiliated<br>person | Lý do/<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 2            | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hoà Phát Hưng Yên/<br>Hoa Phat Hung Yen Animal Feed Company Limited    |                                                                                             |                                                                          | 0900914366              | 03/03/2015                 | Sở Tài chính tỉnh<br>Hưng Yên /<br>Department of<br>Finance of Hung<br>Yen Province     | Đường A2, Khu A, Khu công<br>nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh,<br>Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam /<br>Street A2, Zone A, Industrial Park<br>Pho Noi A, Nhu Quynh Commune,<br>Hung Yen Province, Vietnam | 02/02/2016                                                                                       |                   | Công ty con /<br>Subsidiary                                                  |
| 3            | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hoà Phát Đồng Nai /<br>Hoa Phat Dong Nai Animal Feed Company Limited   |                                                                                             |                                                                          | 3603302207              | 14/08/2015                 | Sở Tài chính<br>Thành phố Đồng<br>Nai /<br>Department of<br>Finance of Dong<br>Nai City | Lô F, khu công nghiệp Long<br>Khánh, Phường Bình Lộc, Thành<br>phố Đồng Nai, Việt Nam /<br>Lot F, Industrial Park Long<br>Khánh, Binh Loc Ward, Dong Nai<br>City, Vietnam                      | 02/02/2016                                                                                       |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 4            | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hoà Phát Phú Thọ /<br>Hoa Phat Phu Tho Animal Feed Company Limited     |                                                                                             |                                                                          | 2601057082              | 09/03/2021                 | Sở Tài chính tỉnh<br>Phú Thọ /<br>Department of<br>Finance of Phu<br>Tho Province       | Lô CN05 khu công nghiệp Cẩm<br>Khê, Xã Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ,<br>Việt Nam /<br>Lot CN05 Industrial Park Cam<br>Khe, Cam Khe Commune, Phu<br>Tho Province, Vietnam                              | 09/03/2021                                                                                       |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 5            | Công ty cổ phần phát triển Chăn nuôi Hoà Phát /<br>Hoa Phat Livestock Development Joint Stock Company |                                                                                             |                                                                          | 0900272334              | 19/06/2007                 | Sở Tài chính tỉnh<br>Hưng Yên /<br>Department of<br>Finance of Hung<br>Yen Province     | Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã<br>Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng<br>Yên, Việt Nam /<br>Industrial Park Pho Noi A,<br>Nguyen Van Linh Commune, Hung<br>Yen Province, Vietnam                         | 02/02/2016                                                                                       |                   | Công ty con /<br>Subsidiary                                                  |
| 6            | Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động /<br>Son Dong Livestock Company Limited                               |                                                                                             |                                                                          | 2400764194              | 05/05/2015                 | Sở Tài chính tỉnh<br>Bắc Ninh /<br>Department of<br>Finance of Bac<br>Ninh Province     | Thôn Hạ, Xã Dương Hưu, Tỉnh<br>Bắc Ninh, Việt Nam /<br>Ha Hamlet, Duong Huu<br>Commune, Bac Ninh Province,<br>Vietnam                                                                          | 02/02/2016                                                                                       |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 7            | Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy /<br>Thai Thuy Livestock Company Limited                             |                                                                                             |                                                                          | 1001105092              | 20/09/2016                 | Sở tài chính tỉnh<br>Hưng Yên /<br>Department of<br>Finance of Hung<br>Yen Province     | thôn Lê Cù, Xã Nam Thụy Anh,<br>Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam /<br>Le Cu Hamlet, Nam Thuy Anh<br>Commune, Hung Yen Province,<br>Vietnam                                                              | 20/09/2016                                                                                       |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 8            | Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước /<br>Hoa Phuoc Livestock Company Limited                             |                                                                                             |                                                                          | 3801106275              | 14/08/2015                 | Sở tài chính<br>thành phố Đồng<br>Nai /<br>Department of<br>Finance of Dong<br>Nai City | Tổ 2, Ấp Đồng Dầu, Xã Minh<br>Đức, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam /<br>Group 2, Dong Dau Hamlet, Minh<br>Duc Commune, Dong Nai<br>Province, Vietnam                                                   | 02/02/2016                                                                                       |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 9            | Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy /<br>Lac Thuy Livestock Company Limited                               |                                                                                             |                                                                          | 5400461117              | 24/03/2015                 | Sở tài chính tỉnh<br>Phú Thọ /<br>Department of<br>Finance of Phu<br>Tho Province       | Thôn Suối Tép, Xã Lạc Thủy, Tỉnh<br>Phú Thọ, Việt Nam /<br>Suoi Tep Hamlet, Lac Thuy<br>Commune, Phu Tho Province,<br>Vietnam                                                                  | 02/02/2016                                                                                       |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |

| STT /<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân/<br>Name of organization/individual                                                         | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có)/<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có) /<br>Position at the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH/<br>NSH No. | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp /<br>place of issue                                                                | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên<br>hệ/<br>Address                                                                                                                                                   | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan/<br>Time of starting<br>to be affiliated<br>person | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/<br>Time of ending<br>to be affiliated<br>person | Lý do/<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 10           | Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên /<br>Hoa Yen Livestock One Member Company Limited                            |                                                                                             |                                                                          | 5200823426              | 01/09/2015                 | Sở tài chính tỉnh<br>Lào Cai /<br>Department of<br>Finance of Lao<br>Cai Province          | Thôn Khe Lụa, Xã Lương Thiện,<br>Tỉnh Lào Cai, Việt Nam /<br>Khe Lụa Hamlet, Luong Thinh<br>Commune, Lao Cai Province,<br>Vietnam                                                                      | 02/02/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 11           | Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Tân /<br>Hoa Tan Livestock Development Joint Stock Company                  |                                                                                             |                                                                          | 3801340814              | 07/01/2026                 | Sở tài chính<br>thành phố Đồng<br>Nai /<br>Department of<br>Finance of Dong<br>Nai City    | Tổ 3, Ấp Đồng Tân, Xã Tân Lợi,<br>Thành phố Đồng Nai, Việt Nam /<br>Group 3, Dong Tan Hamlet, Tan<br>Loi Commune, Dong Nai City,<br>Vietnam                                                            | 07/01/2026                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 12           | CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI HẢI NINH /<br>Hai Ninh Livestock Development Joint Stock Company                |                                                                                             |                                                                          | 3401289296              | 01/06/2026                 | Sở tài chính tỉnh<br>Lâm Đồng /<br>Department of<br>Finance of Lam<br>Dong Province        | Khu vực Tả Mù, thôn An Hòa, Xã<br>Hải Ninh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt<br>Nam /<br>Area Ta Mu, An Hoa Hamlet, Hai<br>Ninh Commune, Lam Dong<br>Province, Vietnam                                              | 01/06/2026                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 13           | Công ty TNHH Thương mại Hoà Phát /<br>Hoa Phat Trading Company Limited                                          |                                                                                             |                                                                          | 0101541037              | 15/10/2004                 | Sở tài chính<br>thành phố Hà Nội<br>/<br>Department of<br>Finance of Hanoi<br>City         | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường<br>Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam /<br>No. 39 Nguyen Dinh Chieu, Hai<br>Ba Trung Ward, Ha Noi City,<br>Vietnam                                            | 02/02/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con /<br>Subsidiary                                                  |
| 14           | Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hưng /<br>Viet Hung Livestock Company Limited                                       |                                                                                             |                                                                          | 1001073323              | 26/10/2015                 | Sở tài chính tỉnh<br>Hưng Yên /<br>Department of<br>Finance of Hung<br>Yen Province        | Lô đất diện tích 141.200m2, Thôn<br>Tĩnh Thủy, xã Hồng Minh, Tỉnh<br>Hưng Yên, Việt Nam /<br>Lot dai dien tich 141.200m2,<br>Province Thyh Hamlet, Hong<br>Minh Commune, Hung Yen<br>Province, Vietnam | 02/02/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 15           | Công ty TNHH Chăn nuôi Hoà Phát Quảng Bình /<br>Hoa Phat Quang Binh Livestock Company Limited                   |                                                                                             |                                                                          | 3101013184              | 20/01/2016                 | Sở tài chính tỉnh<br>Quảng Bình /<br>Department of<br>Finance of<br>Quang Binh<br>Province | Triều khu Hữu Nghi, xã Nam<br>Trạch, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam /<br>Sub-zone Huu Nghi, Nam Trach<br>Commune, Quang Tri Province,<br>Vietnam                                                             | 02/02/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 16           | Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát /<br>Dong Phat Livestock Company Limited                                       |                                                                                             |                                                                          | 3603339687              | 30/12/2015                 | Sở tài chính<br>thành phố Đồng<br>Nai /<br>Department of<br>Finance of Dong<br>Nai City    | Tổ 13, Ấp Cọ Dầu 2, xã Xuân<br>Đông, Thành Phố Đồng Nai, Việt<br>Nam /<br>Group 13, Co Dau 2 Hamlet,<br>Xuan Dong Commune, Dong Nai<br>City, Vietnam                                                   | 02/02/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |
| 17           | Công ty TNHH một thành viên Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai /<br>Hoa Phat Dong Nai Poultry One Member Company Limited |                                                                                             |                                                                          | 3603419999              | 08/11/2016                 | Sở tài chính<br>thành phố Đồng<br>Nai /<br>Department of<br>Finance of Dong<br>Nai City    | Tổ 18, ấp 2, Xã Xuân Hòa, Thành<br>phố Đồng Nai, Việt Nam /<br>Group 18, 2 Hamlet, Xuan Hoa<br>Commune, Dong Nai City, Vietnam                                                                         | 08/11/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con gián<br>tiếp /<br>Indirect<br>subsidiary                         |

| STT /<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tên tổ chức/cá nhân/<br>Name of organization/individual                                                    | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có)/<br>Securities<br>trading account<br>(if any) | Chức vụ tại công ty (nếu<br>có) /<br>Position at the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH/<br>NSH No. | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp /<br>place of issue                                                           | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên<br>hệ/<br>Address                                                                                                        | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan/<br>Time of starting<br>to be affiliated<br>person | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/<br>Time of ending<br>to be affiliated<br>person | Lý do/<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty/<br>Relationship<br>with the<br>Company |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 18                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Công ty TNHH MTV Gia cầm Hoà Phát Phú Thọ /<br>Hoa Phat Phu Tho Poultry One Member Company Limited         |                                                                                             |                                                                          | 2600962108              | 22/06/2016                 | Sở tài chính tỉnh<br>Phú Thọ /<br>Department of<br>Finance of Phu<br>Tho Province     | Khu Vạn Thắng, Xã Đồng Lương,<br>Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam /<br>Zone Van Thang, Dong Luong<br>Commune, Phu Tho Province,<br>Vietnam                            | 22/06/2016                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con /<br>Subsidiary                                                  |
| 19                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Công ty cổ phần gang thép Hoà Phát /<br>Hoa Phat Iron and Steel Joint Stock Company                        |                                                                                             |                                                                          | 0109463408              | 18/12/2020                 | Sở tài chính<br>thành phố Hà Nội<br>/<br>Department of<br>Finance of Hanoi<br>City    | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa<br>Nam, Thành phố Hà Nội, Việt<br>Nam /<br>No. 66 Nguyen Du, Cua Nam<br>Ward, Ha Noi City, Vietnam                              | 18/12/2020                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con của<br>công ty mẹ /<br>Subsidiary of the<br>Parent Company       |
| 20                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Công ty Cổ phần sản phẩm thép Hoà Phát /<br>Hoa Phat Steel Products Joint Stock Company                    |                                                                                             |                                                                          | 0109463415              | 18/12/2020                 | Sở tài chính<br>thành phố Hà Nội<br>/<br>Department of<br>Finance of Hanoi<br>City    | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường<br>Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam /<br>No. 39 Nguyen Dinh Chieu, Hai<br>Ba Trung Ward, Ha Noi City,<br>Vietnam | 18/12/2020                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con của<br>công ty mẹ /<br>Subsidiary of the<br>Parent Company       |
| 21                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Hoà Phát /<br>Hoa Phat Real Estate Development Joint Stock Company |                                                                                             |                                                                          | 0109449636              | 10/12/2020                 | Sở tài chính<br>thành phố Hà Nội<br>/<br>Department of<br>Finance of Hanoi<br>City    | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa<br>Nam, Thành phố Hà Nội, Việt<br>Nam /<br>No. 66 Nguyen Du, Cua Nam<br>Ward, Ha Noi City, Vietnam                              | 10/12/2020                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con của<br>công ty mẹ /<br>Subsidiary of the<br>Parent Company       |
| 22                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Công ty Cổ phần điện máy gia dụng Hoà Phát /<br>Hoa Phat Home Appliances Joint Stock Company               |                                                                                             |                                                                          | 0700855956              | 07/10/2021                 | Sở tài chính tỉnh<br>Ninh Bình /<br>Department of<br>Finance of Ninh<br>Binh Province | Khu công nghiệp Hoà Mạc,<br>Phường Dục Tiến, Tỉnh Ninh<br>Bình, Việt Nam /<br>Industrial Park Hoa Mac, Duy<br>Tien Ward, Ninh Binh Province,<br>Vietnam     | 07/10/2021                                                                                       |                                                                                                  |                   | Công ty con của<br>công ty mẹ /<br>Subsidiary of the<br>Parent Company       |
| C. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu: xem phụ lục 03/<br>C. Spouse, biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law (husband's side), mother-in-law (wife's side), father-in-law (husband's side), mother-in-law (wife's side), biological children, adopted children, son-in-law, daughter-in-law, biological elder brother, biological elder sister, biological younger sibling, brother-in-law, sister-in-law: see Appendix 03 |                                                                                                            |                                                                                             |                                                                          |                         |                            |                                                                                       |                                                                                                                                                             |                                                                                                  |                                                                                                  |                   |                                                                              |

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; và các đối tượng khác/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons; and other objects

| STT/<br>No | Tên tổ chức/cá<br>nhân/<br>Name of<br>organization/<br>individual                                                    | Mối quan hệ liên quan với công<br>ty /<br>Relationship with the Company                                                                                                                                                         | Số Giấy NSH*/<br>NSH No. | Ngày cấp, nơi<br>cấp/<br>Date of issue | Nơi cấp/<br>Place of issue                                           | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                                                                                       | Thời điểm giao<br>dịch với công<br>ty/<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông<br>hành/<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors (if any,<br>specifying date of issue)                                      | Nội dung, số lượng, tổng giá trị<br>giao dịch/<br>Content, quantity, total value of<br>transaction                                                                                                                       | Ghi chú /<br>Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Công ty Cổ<br>phần Tập đoàn<br>Hòa Phát/<br>Hoa Phat<br>Group Joint<br>Stock Company                                 | Công ty mẹ, Công ty mà thành viên<br>HĐQT đang là Thành viên HĐQT,<br>TGD điều hành/<br>Parent company; Company where<br>a member of the Board of<br>Directors is currently a Board<br>member and Executive General<br>Director | 0900189284               | 26/10/2001                             | Sở Tài chính<br>tỉnh Hưng Yên/<br>Finance of<br>Hung Yen<br>Province | KCN Phố Nối A, xã<br>Nguyễn Văn Linh,<br>tỉnh Hưng Yên/<br>Pho Noi A<br>Nguyen Van Linh<br>Commune, Hung<br>Yen Province                                                                                      | 6 tháng năm<br>2026/<br>First 6 months<br>of 2026                                        | Quyết định số 05/2026/QĐ-<br>HĐQT ngày 30/01/2026; Nghị<br>quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2026; Nghị<br>quyết 08/2026/NQ-HĐQT/<br>Decision No. 05/2026/QĐ-<br>HDQT dated 30/01/2026;<br>Resolution No. 01/NQ-<br>DHDCD.2026; Resolution No.<br>08/2026/NQ-HDQT | Mua dịch vụ: 11.133.702; Chia cổ<br>túc và đã thanh toán:<br>505.946.242.200 /<br>Purchase of services:<br>11.133.702, Dividends<br>distributed and paid:<br>505.946.242.200                                             | Ông Nguyễn Việt Thắng - Chủ tịch HĐQT Công ty<br>CP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát đồng thời là<br>Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công<br>ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát;<br>Ông Tạ Tuấn Quang - thành viên HĐQT độc lập của<br>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát đồng<br>thời là thành viên HĐQT độc lập của Công ty Cổ<br>phần Tập đoàn Hoà Phát /<br>Mr. Nguyen Viet Thang - Chairman of the Board of<br>Directors of Hoa Phat Agriculture Development<br>JSC, concurrently Vice Chairman of the Board of<br>Directors cum General Director of Hoa Phat<br>Group JSC;<br>Mr. Ta Tuan Quang - Independent member of the<br>Board of Directors of Hoa Phat Agriculture<br>Development JSC, concurrently Independent<br>member of the Board of Directors of Hoa Phat<br>Group JSC |
| 2          | Công ty TNHH<br>Thức ăn chăn<br>nuôi Hoà Phát<br>Hưng Yên/<br>Hoa Phat Hung<br>Yen Animal<br>Feed Company<br>Limited | Công ty con, Công ty mà TGD<br>đang là Chủ tịch, Giám đốc điều<br>hành/<br>Subsidiary; Company where the<br>General Director is currently<br>Chairman and Executive Director                                                    | 0900914366               | 03/03/2015                             | Sở Tài chính<br>tỉnh Hưng Yên/<br>Finance of<br>Hung Yen<br>Province | Đường A2, Khu A,<br>Khu công nghiệp<br>Phố Nối A, Xã Như<br>Quỳnh, Tỉnh Hưng<br>Yên, Việt Nam/<br>A2 Road, Zone A,<br>Pho Noi A<br>Industrial Zone,<br>Nhu Quỳnh<br>Commune, Hung<br>Yen Province,<br>Vietnam | 6 tháng năm<br>2026/<br>First 6 months<br>of 2026                                        | Quyết định 03/2026/QĐ-HĐQT<br>ngày 14/01/2026/<br>Decision No. 03/2026/QĐ-<br>HDQT dated 14/01/2026                                                                                                                                                  | Lợi nhuận 2025 được thanh toán:<br>144.500.000.000; Lợi nhuận được<br>chia kỳ 6 tháng năm 2026:<br>160.000.000.000/<br>2025 profit paid:<br>144.500.000.000; Profit to be<br>distributed for H1 2026:<br>160.000.000.000 | Bà Phạm Thị Hồng Vân - Tổng giám đốc Công ty<br>CP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát đồng thời là<br>Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH<br>Thức ăn chăn nuôi Hoà Phát Hưng Yên/<br>Ms. Pham Thi Hong Van - General Director of<br>Hoa Phat Agriculture Development JSC,<br>concurrently Chairwoman cum Director of Hoa<br>Phat Hung Yen Animal Feed Co., Ltd.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

12/12/2024

| STT/<br>No | Tên tổ chức/cá<br>nhân/<br>Name of<br>organization/<br>individual                                                      | Mối quan hệ liên quan với công<br>ty /<br>Relationship with the Company                                                                                                                                                   | Số Giấy NSH*/<br>NSH No. | Ngày cấp, nơi<br>cấp/<br>Date of issue | Nơi cấp/<br>Place of issue                                                        | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                                               | Thời điểm giao<br>dịch với công<br>ty/<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>của ĐHCĐ/ HĐQT ... thông<br>qua (nếu có, nêu rõ ngày ban<br>hành)/<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors (if any,<br>specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị<br>giao dịch/<br>Content, quantity, total value of<br>transaction                                                                                                                                                                                              | Ghi chú /<br>Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3          | Công ty cổ phần<br>phát triển Chăn<br>nuôi Hoà Phát/<br>Hoa Phát<br>Livestock<br>Development<br>Joint Stock<br>Company | Công ty con, Công ty mà thành<br>viên HĐQT đang là Thành viên<br>HĐQT, TGD điều hành/<br>Subsidiary, Company where a<br>member of the Board of Directors<br>is currently a Board member and<br>Executive General Director | 0900272334               | 19/06/2007                             | Sở Tài chính<br>tỉnh Hưng Yên/<br>Finance of<br>Hưng Yên<br>Province              | KCN Phố Nối A, xã<br>Nguyễn Văn Linh,<br>tỉnh Hưng Yên,<br>Việt Nam/<br>Pho Noi A<br>Industrial Zone,<br>Nguyen Van Linh<br>Commune, Hung<br>Yen Province,<br>Vietnam | 6 tháng năm<br>2026/<br>First 6 months<br>of 2026                                        | Quyết định 03/2026/QĐ-HĐQT<br>ngày 14/01/2026/<br>Decision No. 03/2026/QĐ-<br>HDQT dated 14/01/2026                                                                                                                                              | Góp vốn: 1.000.000.000.000; Lợi<br>nhuận 2025 được thanh toán:<br>346.312.619.985; Lợi nhuận được<br>chia kỳ 6 tháng 2026:<br>344.956.875.000/<br>Capital contribution:<br>1.000.000.000.000; 2025 profit<br>paid: 346.312.619.985; Profit to<br>be distributed for H1 2026:<br>344.956.875.000 | Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Phó Chủ tịch HĐQT<br>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát đồng<br>thời là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty<br>CP Phát triển Chăn nuôi Hoà Phát/<br>Ms. Nguyen Thi Thanh Van - Vice Chairwoman of<br>the Board of Directors of Hoa Phat Agriculture<br>Development JSC, concurrently a member of the<br>Board of Directors cum Director of Hoa Phat<br>Livestock Development JSC |
| 4          | Công ty TNHH<br>Thương mại<br>Hoà Phát/<br>Hoa Phat<br>Trading<br>Company<br>Limited                                   | Công ty con, Công ty mà TGD<br>đang là Chủ tịch HĐQT/<br>Subsidiary, Company where the<br>General Director is currently<br>Chairman of the Members' Council                                                               | 0101541037               | 15/10/2004                             | Sở tài chính<br>thành phố Hà<br>Nội/<br>Department of<br>Finance of<br>Hanoi City | Số 39 Nguyễn Đình<br>Chiêu, Phường Hai<br>Bà Trưng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam/<br>No. 39 Nguyen<br>Dinh Chieu, Hai<br>Ba Trưng Ward,<br>Ha Noi, Vietnam        | 6 tháng năm<br>2026/<br>First 6 months<br>of 2026                                        | Quyết định 03/2026/QĐ-HĐQT<br>ngày 14/01/2026/<br>Decision No. 03/2026/QĐ-<br>HDQT dated 14/01/2026                                                                                                                                              | Góp vốn: 160.000.000.000; Lợi<br>nhuận 2025 được thanh toán:<br>23.221.299.282/<br>Capital contribution:<br>160.000.000.000; 2025 profit<br>paid: 23.221.299.282                                                                                                                                | Bà Phạm Thị Hồng Vân - Tổng giám đốc Công ty<br>CP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát đồng thời là<br>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại Hoà<br>Phát/<br>Ms. Pham Thi Hong Van - General Director of<br>Hoa Phat Agriculture Development JSC,<br>concurrently Chairwoman of the Members' Council<br>of Hoa Phat Trading Co., Ltd.                                                                                    |
| 5          | Công ty TNHH<br>MTV Gia cầm<br>Hoà Phát Phú<br>Tho/<br>Hoa Phat Phu<br>Tho Poultry<br>One Member<br>Company<br>Limited | Công ty con, Công ty mà TGD<br>đang là Chủ tịch/<br>Subsidiary, Company where the<br>General Director is currently<br>Chairman                                                                                            | 2600962108               | 22/06/2016                             | Sở tài chính tỉnh<br>Phủ Thọ/<br>Department of<br>Finance of Phu<br>Tho Province  | Thôn Vạn Thắng,<br>Xã Đồng Lương,<br>Tỉnh Phú Thọ, Việt<br>Nam/<br>Van Thang<br>Hamlet, Dong<br>Luong Commune,<br>Phu Tho Province,<br>Vietnam                        | 6 tháng năm<br>2026/<br>First 6 months<br>of 2026                                        | Quyết định số 05/2026/QĐ-<br>HĐQT ngày 30/01/2026; Quyết<br>định 03/2026/QĐ-HĐQT ngày<br>14/01/2026/<br>Decision No. 05/2026/QĐ-<br>HDQT dated 30/01/2026;<br>Decision No. 03/2026/QĐ-<br>HDQT dated 14/01/2026                                  | Mua hàng hóa: 18.046.500;<br>Góp vốn: 50.000.000.000; Lợi<br>nhuận 2025 được thanh toán:<br>100.728.985.342/<br>Purchase of goods: 18.046.500;<br>Capital contribution:<br>50.000.000.000; 2025 profit<br>paid: 100.728.985.342                                                                 | Bà Phạm Thị Hồng Vân - Tổng giám đốc Công ty<br>CP Phát triển Nông nghiệp Hoà Phát đồng thời là<br>Chủ tịch Công ty TNHH MTV Gia cầm Hoà Phát<br>Phủ Thọ/<br>Ms. Pham Thi Hong Van - General Director of<br>Hoa Phat Agriculture Development JSC,<br>concurrently Chairwoman of Hoa Phat Phu Tho<br>Poultry One Member Company Limited                                                                               |

Phụ lục 03/Appendix 03  
Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons

| STT/<br>No. | Họ tên/<br>Full Name                                                                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/<br>Position at the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ<br>chiếu/<br>ID card<br>No./Passport No | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp/<br>place of issue                                                                           | Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                                                                                 | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ/<br>shares owned at<br>the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú/MQH với<br>người nội bộ<br>Note/Relationship<br>with Insider |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| I           | Ông Nguyễn Việt Thắng /<br>Mr. Nguyen Viet Thang                                          |                                                                                                    | Chủ tịch HĐQT /<br>Chairman of the Board<br>of Directors                |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 100.000                                                                       | 0,04%                                                                               |                                                                      |
| 1           | Ông Nguyễn Xuân Phong /<br>Mr. Nguyen Xuan Phong                                          |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Bố /<br>Father                                                       |
| 2           | Bà Nguyễn Thị Kim Trâm /<br>Mrs. Nguyen Thi Kim Tram                                      |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Mẹ /<br>Mother                                                       |
| 3           | Bà Vũ Thị Trinh /<br>Mrs. Vu Thi Trinh                                                    |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Mẹ vợ /<br>Mother-in-law (wife's<br>side)                            |
| 4           | Bà Nguyễn Thanh Diệu Hương /<br>Mrs. Nguyen Thanh Dieu Huong                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Chị gái /<br>Elder sister                                            |
| 5           | Ông Đoàn Văn Vinh /<br>Mr. Doan Van Vinh                                                  |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Anh rể /<br>Brother-in-law                                           |
| 6           | Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh /<br>Mrs. Nguyen Thi Ngoc Anh                                      |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Vợ /<br>Wife                                                         |
| 7           | Ông Nguyễn Đình Huy /<br>Mr. Nguyen Dinh Huy                                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Con trai /<br>Son                                                    |
| 8           | Ông Nguyễn Đình Hiếu /<br>Mr. Nguyen Dinh Hieu                                            |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                                             | 0                                                                             |                                                                                     | Con trai /<br>Son                                                    |
| 9           | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát /<br>Hoa Phat Group Joint Stock Company                 |                                                                                                    |                                                                         | 0900189284                                          | 11/08/2025                 | Sở tài chính tỉnh Hưng Yên /<br>Department of Finance of<br>Hung Yen Province                        | KCN Phố Nối A, xã Nguyễn<br>Văn Linh, tỉnh Hưng Yên/<br>Pho Noi A Industrial Zone,<br>Nguyen Van Linh Commune,<br>Hung Yen Province                                         | 240.926.782                                                                   | 84,54%                                                                              | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |
| 10          | Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương /<br>Hoa Phat Hai Duong Steel Joint Stock Company |                                                                                                    |                                                                         | 0800384651                                          | 17/08/2007                 | Sở KH &ĐT tỉnh Hải Dương /<br>Department of Planning and<br>Investment of Hai Duong<br>Province      | Khu dân cư Hiệp Thương,<br>phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh<br>Môn, tỉnh Hải Dương /<br>Hiep Thuong Residential Zone,<br>Hiep Son Ward, Kinh Mon,<br>Hai Duong Province         | 0                                                                             |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |
| 11          | Công ty Cổ phần Gang Thép Hòa Phát /<br>Hoa Phat Iron and Steel Joint Stock Company       |                                                                                                    |                                                                         | 0109463408                                          | 18/12/2020                 | Sở KH &ĐT TP Hà Nội /<br>Department of Planning and<br>Investment of Hanoi City                      | 66 Nguyễn Du, Cửa Nam, Hai<br>Bà Trưng, Hà Nội /<br>66 Nguyen Du, Cua Nam, Hai<br>Ba Trung, Ha Noi                                                                          | 0                                                                             |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |
| 12          | Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Phú Yên /<br>Hoa Phat Phu Yen Steel Joint Stock Company     |                                                                                                    |                                                                         | 4401114587                                          | 26/12/2024                 | Sở KH &ĐT tỉnh Phú Yên /<br>Department of Planning and<br>Investment of Phu Yen<br>Province          | Thôn Phước Tân, xã Hòa Tâm,<br>thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên<br>/ Phuc Tan Hamlet, Hoa Tam<br>Commune, Dong Hoa Town,<br>Phu Yen Province                                   | 0                                                                             |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |
| 13          | Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất /<br>Hoa Phat Dung Quat Steel Joint Stock Company |                                                                                                    |                                                                         | 4300793861                                          | 03/02/2017                 | Sở KH &ĐT tỉnh Quảng<br>Ngãi /<br>Department of Planning and<br>Investment of Quang Ngai<br>Province | Khu kinh tế Dung Quất, Xã<br>Bình Đông, Huyện Bình Sơn,<br>Tỉnh Quảng Ngãi /<br>Dung Quat Economic Zone,<br>Binh Dong Commune, Binh<br>Son District, Quang Ngai<br>Province | 0                                                                             |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |



| STT/<br>No. | Họ tên/<br>Full Name                                                                             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/<br>Position at the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ<br>chiếu/<br>ID card<br>No./Passport No | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp/<br>place of issue                                                                           | Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                                                               | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ/<br>Number of<br>shares owned at<br>the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú/MQH với<br>người nội bộ<br>Note/Relationship<br>with Insider |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| II          | Bà Nguyễn Thị Thanh Vân /<br>Mrs. Nguyen Thi Thanh Van                                           |                                                                                                    | Phó Chủ tịch HĐQT /<br>Vice Chairman of the<br>Board of Directors       |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 50.000                                                                                     | 0,02%                                                                                                |                                                                      |
| 1           | Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai /<br>Mrs. Nguyen Thi Tuyet Mai                                           |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ đẻ /<br>Biological mother                                         |
| 2           | Bà Nguyễn Thị Thu Thủy /<br>Mrs. Nguyen Thi Thu Thuy                                             |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 100.000                                                                                    | 0,04%                                                                                                | Chi ruột /<br>Biological elder sister                                |
| 3           | Ông Nguyễn Xuân Hiếu /<br>Mr. Nguyen Xuan Hieu                                                   |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Anh rể /<br>Brother-in-law                                           |
| 4           | Ông Nguyễn Tất Long /<br>Mr. Nguyen Tai Long                                                     |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em ruột /<br>Biological younger<br>sibling                           |
| 5           | Ông Phạm Thanh Tùng /<br>Mr. Pham Thanh Tung                                                     |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chồng /<br>Husband                                                   |
| 6           | Ông Phạm Đức Quân /<br>Mr. Pham Duc Quan                                                         |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con đẻ /<br>Biological child                                         |
| 7           | Bà Phạm Huyền Phương Thảo /<br>Mrs. Pham Huyen Phuong Thao                                       |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                                      |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con đẻ /<br>Biological child                                         |
| 8           | Công ty CP phát triển chăn nuôi Hoà Phát /<br>Hoa Phat Livestock Development Joint Stock Company |                                                                                                    |                                                                         | 0900272334                                          | 19/06/2007                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Hưng Yên<br>/ Department of Planning and<br>Investment of Hung Yen<br>Province        | KCN Phố Nối A, xã Nguyễn<br>Vân Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt<br>Nam/<br>Pho Noi A Industrial Zone,<br>Nguyen Van Linh Commune,<br>Hung Yen Province, Vietnam | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan<br>/ Related organization                       |
| 9           | Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Đông /<br>Son Dong Livestock Company Limited                          |                                                                                                    |                                                                         | 2400764194                                          | 05/05/2015                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Bắc Giang<br>/ Department of Planning and<br>Investment of Bac Giang<br>Province      | Thôn Hạ, Xã Dương Hưu, Tỉnh<br>Bắc Ninh /<br>Ha Hamlet, Duong Hui<br>Commune, Bac Ninh Province                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan<br>/ Related organization                       |
| 10          | Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy /<br>Thai Thuy Livestock Company Limited                        |                                                                                                    |                                                                         | 1001105092                                          | 20/09/2016                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Thái Bình<br>/ Department of Planning and<br>Investment of Thai Binh<br>Province      | Thôn Lễ Cũ, xã Nam Thuy<br>Anh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam /<br>Le Cu Hamlet, Nam Thuy Anh<br>Commune, Hung Yen<br>Province, Vietnam                         | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan<br>/ Related organization                       |
| 11          | Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước /<br>Hoa Phuoc Livestock Company Limited                        |                                                                                                    |                                                                         | 3801106275                                          | 14/08/2015                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Bình<br>Phước /<br>Department of Planning and<br>Investment of Binh Phuoc<br>Province | Tổ 2, Ấp Đồng Dầu, Xã Minh<br>Đức, Tỉnh Đồng Nai /<br>Group 2, Dong Dan Hamlet,<br>Minh Duc Commune, Dong<br>Nai Province                                 | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan<br>/ Related organization                       |
| 12          | Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy /<br>Lac Thuy Livestock Company Limited                          |                                                                                                    |                                                                         | 5400461117                                          | 24/03/2015                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Hòa Bình<br>/ Department of Planning and<br>Investment of Hoa Binh<br>Province        | Thôn Suối Tép, Xã Lạc Thủy,<br>Tỉnh Phú Thọ /<br>Suoi Tep Hamlet, Lac Thuy<br>Commune, Phu Tho Province                                                   | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan<br>/ Related organization                       |
| 13          | Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên /<br>Hoa Yen Livestock One Member Company Limited             |                                                                                                    |                                                                         | 5200823426                                          | 01/09/2015                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Yên Bái /<br>Department of Planning and<br>Investment of Yen Bai<br>Province          | Thôn Khe Lua, xã Lương<br>Thịnh, tỉnh Lào Cai, Việt Nam /<br>Khe Lua Hamlet, Luong Thinh<br>Commune, Lao Cai Province,<br>Vietnam                         | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan<br>/ Related organization                       |

| STT/<br>No. | Họ tên/<br>Full Name                                                                           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/<br>Position at the company<br>(if any)         | Số CMND /Hộ<br>chiếu/<br>ID card<br>No./Passport No | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp/<br>place of issue                                                    | Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                                                               | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ/<br>Number of<br>shares owned at<br>the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú/ MQH với<br>người nội bộ<br>Note/Relationship<br>with Insider |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 14          | Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Tân /<br>Hoa Tan Livestock Development Joint Stock Company |                                                                                                    |                                                                                 | 3801340814                                          | 07/01/2026                 | Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai /<br>Department of Finance of<br>Dong Nai Province | Tổ 3, Ấp Đồng Tân, Xã Tân<br>Lợi, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam /<br>Group 3, Dong Tan Hamlet,<br>Tan Loi Commune, Dong Nai<br>Province, Vietnam                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                        |
| 15          | CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI HẢI NINH /<br>CONG TY CP PHAT TRIEN CHAN NUOI HAI NINH         |                                                                                                    |                                                                                 | 3401289296                                          | 01/06/2026                 | Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng /<br>Department of Finance of<br>Lam Dong Province | Khu vực Tà Mú, thôn An Hòa,<br>Xã Hải Ninh, Tỉnh Lâm Đồng,<br>Việt Nam /<br>Area Ta Mu, An Hoa Hamlet,<br>Hai Ninh Commune, Lam<br>Dong Province, Vietnam | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                        |
| III         | Ông Tạ Tuấn Quang /<br>Mr. Ta Tuan Quang                                                       |                                                                                                    | Thành viên HĐQT độc<br>lập /<br>Independent Member of<br>the Board of Directors |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 100.000                                                                                    | 0,04%                                                                                                |                                                                       |
| 1           | Bà Mai Thị Tuy /<br>Mrs. Mai Thi Tuy                                                           |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ /<br>Mother                                                        |
| 2           | Bà Nguyễn Thị Thoa /<br>Mrs. Nguyen Thi Thoa                                                   |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ vợ /<br>Mother-in-law (wife's<br>side)                             |
| 3           | Bà Tạ Thị Nguyệt /<br>Mrs. Ta Thi Nguyet                                                       |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chị /<br>Sister                                                       |
| 4           | Ông Nguyễn Hồng Khoái /<br>Mr. Nguyen Hong Khoai                                               |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Anh rể /<br>Brother-in-law                                            |
| 5           | Bà Tạ Thị Nga /<br>Mrs. Ta Thi Nga                                                             |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chị /<br>Sister                                                       |
| 6           | Ông Tạ Tuấn Hiền /<br>Mr. Ta Tuan Hien                                                         |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Anh /<br>Brother                                                      |
| 7           | Bà Nguyễn Thị Mai Lan /<br>Mrs. Nguyen Thi Mai Lan                                             |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chị dâu /<br>Sister-in-law                                            |
| 8           | Bà Tạ Mai Hương /<br>Mrs. Ta Mai Huong                                                         |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em /<br>Younger sibling                                               |
| 9           | Ông Nguyễn Văn Đại /<br>Mr. Nguyen Van Dai                                                     |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em rể /<br>Brother-in-law<br>(younger sister's<br>husband)            |
| 10          | Bà Tạ Kim Nhung /<br>Mrs. Ta Kim Nhung                                                         |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em /<br>Younger sibling                                               |
| 11          | Ông Lê Anh Tuấn /<br>Mr. Le Anh Tuan                                                           |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em rể /<br>Brother-in-law<br>(younger sister's<br>husband)            |
| 12          | Bà Tạ Phương Lan /<br>Mrs. Ta Phuong Lan                                                       |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em /<br>Younger sibling                                               |
| 13          | Ông Vũ Đức Thắng /<br>Mr. Vu Duc Thang                                                         |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em rể /<br>Brother-in-law<br>(younger sister's<br>husband)            |
| 14          | Bà Tạ Thị Hằng /<br>Mrs. Ta Thi Hang                                                           |                                                                                                    |                                                                                 |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                                                           | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em /<br>Younger sibling                                               |

| STT/<br>No. | Họ tên/<br>Full Name                                                                                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/<br>Position at the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ<br>chiếu/<br>ID card<br>No./Passport No | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp/<br>place of issue                                                                    | Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                                                         | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ/<br>Number of<br>shares owned at<br>the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú/MQH với<br>người nội bộ<br>Note/Relationship<br>with Insider |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 15          | Bà Nguyễn Thị Hồng Hải /<br>Mrs. Nguyen Thi Hong Hai                                                |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Vợ /<br>Wife                                                         |
| 16          | Ông Tạ Tuấn Dương /<br>Mr. Ta Tuan Duong                                                            |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 150.000                                                                                    | 0,05%                                                                               | Con /<br>Child                                                       |
| 17          | Bà Lê Bá Thái Quỳnh /<br>Mrs. Le Ba Thai Quynh                                                      |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Con dâu /<br>Daughter-in-law                                         |
| 18          | Ông Tạ Tuấn Tường /<br>Mr. Ta Tuan Tuong                                                            |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Con /<br>Child                                                       |
| 19          | Bà Nguyễn Phương Thanh /<br>Mrs. Nguyen Phuong Thanh                                                |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Con dâu /<br>Daughter-in-law                                         |
| IV          | Bà Phạm Thị Hồng Vân /<br>Mrs. Pham Thi Hong Van                                                    |                                                                                                    | Tổng giám đốc /<br>General Director                                     |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 75.000                                                                                     | 0,03%                                                                               |                                                                      |
| 1           | Bà Hoàng Thị Dung /<br>Mrs. Hoang Thi Dung                                                          |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Me đẻ /<br>Biological mother                                         |
| 2           | Ông Bùi Văn Huân /<br>Mr. Bui Van Huan                                                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 58.000                                                                                     | 0,02%                                                                               | Chồng /<br>Husband                                                   |
| 3           | Ông Bùi Thiên Long /<br>Mr. Bui Thien Long                                                          |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Con /<br>Child                                                       |
| 4           | Ông Bùi Đức Minh /<br>Mr. Bui Duc Minh                                                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Con /<br>Child                                                       |
| 5           | Bà Phạm Thị Lan /<br>Mrs. Pham Thi Lan                                                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Chi gái /<br>Elder sister                                            |
| 6           | Ông Phạm Văn Dẫu /<br>Mr. Pham Van Dau                                                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Anh rể /<br>Brother-in-law                                           |
| 7           | Ông Phạm Thanh Xuân /<br>Mr. Pham Thanh Xuan                                                        |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 65.000                                                                                     | 0,02%                                                                               | Anh trai /<br>Elder brother                                          |
| 8           | Bà Lê Hoàng Diễm Hương /<br>Mrs. Le Hoang Diem Huong                                                |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Chi dâu /<br>Sister-in-law                                           |
| 9           | Ông Phạm Văn Trường /<br>Mr. Pham Van Truong                                                        |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Anh trai /<br>Elder brother                                          |
| 10          | Bà Đỗ Thị Thanh Hà /<br>Mrs. Do Thi Thanh Ha                                                        |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 0                                                                                          |                                                                                     | Chi dâu /<br>Sister-in-law                                           |
| 11          | Công ty CP phát triển chăn nuôi Hoà Phát /<br>Hoa Phat Livestock Development Joint Stock Company    |                                                                                                    |                                                                         | 0900272334                                          | 19/06/2007                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Hưng Yên /<br>Department of Planning and<br>Investment of Hung Yen<br>Province | KCN Phố Nối A, Xã Nguyễn<br>Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên /<br>KCN Pho Noi A, Nguyen Van<br>Linh Commune, Hung Yen<br>Province                            | 0                                                                                          |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |
| 12          | Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát /<br>Hoa Phat Trading Company Limited                              |                                                                                                    |                                                                         | 0101541037                                          | 09/09/2004                 | Sở KH &ĐT TP Hà Nội /<br>Department of Planning and<br>Investment of Hanoi City               | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu,<br>Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội /<br>No. 39 Nguyen Dinh Chieu,<br>Hai Ba Trung Ward, Ha Noi                                 | 0                                                                                          |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |
| 13          | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên /<br>Hoa Phat Hung Yen Animal Feed Company Limited |                                                                                                    |                                                                         | 0900914366                                          | 03/03/2015                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Hưng Yên /<br>Department of Planning and<br>Investment of Hung Yen<br>Province | Đường A2, Khu A, KCN Phố<br>Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh<br>Hưng Yên /<br>Street A2, Zone A, KCN Pho<br>Noi A, Nhu Quynh Commune,<br>Hung Yen Province | 0                                                                                          |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |
| 14          | Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ /<br>Hoa Phat Phu Tho Poultry One Member Company Limited  |                                                                                                    |                                                                         | 2600962108                                          | 22/06/2016                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Phú Thọ /<br>Department of Planning and<br>Investment of Phu Tho<br>Province   | Khu Van Thang, xã Đồng<br>Luong, tỉnh Phú Thọ /<br>Zone Van Thang, Dong Luong<br>Commune, Phu Tho Province                                          | 0                                                                                          |                                                                                     | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                       |

| STT/<br>No. | Họ tên/<br>Full Name                                                                              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/<br>Position at the company<br>(if any) | Số CMND/Hộ<br>chiếu/<br>ID card<br>No./Passport No | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp/<br>place of issue                                                                  | Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                                                    | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ/<br>Number of<br>shares owned at<br>the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú/NOTE với<br>người nội bộ<br>Note/Relationship<br>with Insider |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 15          | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ /<br>Hoa Phat Phu Tho Animal Feed Company Limited |                                                                                                    |                                                                         | 2601057082                                         | 09/03/2021                 | Sở KH &ĐT Tỉnh Phú Thọ /<br>Department of Planning and<br>Investment of Phu Tho<br>Province | Lô CN05 khu công nghiệp Cẩm<br>Khê, xã Cẩm Khê, Tỉnh Phú<br>Thọ /<br>Lot CN05 Industrial Park Cam<br>Khe, Cam Khe Commune, Phu<br>Tho Province | 0                                                                                          |                                                                                                      | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                        |
| V           | Bà Ngô Lan Anh /<br>Mrs. Ngo Lan Anh                                                              |                                                                                                    | Trưởng BKS /<br>Head of the Supervisory<br>Board                        |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 30.000                                                                                     | 0,01%                                                                                                |                                                                       |
| 1           | Ông Trịnh Minh Hải /<br>Mr. Trinh Minh Hai                                                        |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chồng /<br>Husband                                                    |
| 2           | Ông Trịnh Anh Duy /<br>Mr. Trinh Anh Duy                                                          |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con /<br>Child                                                        |
| 3           | Bà Trịnh Thu Thảo /<br>Mrs. Trinh Thu Thao                                                        |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con /<br>Child                                                        |
| 4           | Ông Ngô Sỹ Nguyên /<br>Mr. Ngo Sy Nguyen                                                          |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố /<br>Father                                                        |
| 5           | Bà Đỗ Thị Lan /<br>Mrs. Do Thi Lan                                                                |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ đẻ /<br>Biological mother                                          |
| 6           | Bà Vọng Sĩ Gìn /<br>Mrs. Vong Si Gin                                                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ chồng /<br>Mother-in-law<br>(husband's side)                       |
| 7           | Ông Ngô Thái Ninh /<br>Mr. Ngo Thai Ninh                                                          |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em trai /<br>Younger brother                                          |
| 8           | Bà Trần Việt Hà /<br>Mrs. Tran Viet Ha                                                            |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em dâu /<br>Sister-in-law<br>(younger brother's<br>wife)              |
| 9           | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát /<br>Hoa Phat Group Joint Stock Company                         |                                                                                                    |                                                                         | 0900189284                                         | 11/08/2025                 | Sở tài chính tỉnh Hưng Yên /<br>Department of Finance of<br>Hung Yen Province               | KCN Phố Nối A, xã Nguyễn<br>Văn Linh, tỉnh Hưng Yên /<br>KCN Pho Noi A, Nguyen Van<br>Linh Commune, Hung Yen<br>Province                       | 240.926.782                                                                                | 84,54%                                                                                               | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                        |
| VI          | Bà Vũ Thanh Thủy /<br>Mrs. Vu Thanh Thuy                                                          |                                                                                                    | Thành viên BKS /<br>Member of the<br>Supervisory Board                  |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 47.200                                                                                     | 0,02%                                                                                                |                                                                       |
| 1           | Ông Vũ Văn Thịnh /<br>Mr. Vu Van Thinh                                                            |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố đẻ /<br>Biological father                                          |
| 2           | Bà Ngô Thanh Vương /<br>Mrs. Ngo Thanh Vuong                                                      |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ /<br>Mother                                                        |
| 3           | Ông Nguyễn Đức Chính /<br>Mr. Nguyen Duc Chinh                                                    |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố chồng /<br>Father-in-law<br>(husband's side)                       |
| 4           | Bà Vũ Thị Yến /<br>Mrs. Vu Thi Yen                                                                |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ chồng /<br>Mother-in-law<br>(husband's side)                       |
| 5           | Ông Vũ Thăng /<br>Mr. Vu Thang                                                                    |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Anh trai /<br>Elder brother                                           |
| 6           | Bà Nguyễn Thị Hồng Anh /<br>Mrs. Nguyen Thi Hong Anh                                              |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chị dâu /<br>Sister-in-law                                            |
| 7           | Ông Nguyễn Thế Phương /<br>Mr. Nguyen The Phuong                                                  |                                                                                                    |                                                                         |                                                    |                            |                                                                                             |                                                                                                                                                | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chồng /<br>Husband                                                    |

| STT/<br>No. | Họ tên/<br>Full Name                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/<br>Position at the company<br>(if any) | Số CMND /Hộ<br>chiếu/<br>ID card<br>No./Passport No | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp/<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ/<br>Number of<br>shares owned at<br>the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú/MQH với<br>người nội bộ<br>Note/Relationship<br>with Insider |
|-------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 8           | Bà Nguyễn Hiền Trang /<br>Mrs. Nguyễn Hiền Trang       |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con /<br>Child                                                       |
| 9           | Bà Nguyễn Bảo Linh /<br>Mrs. Nguyễn Bảo Linh           |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con /<br>Child                                                       |
| 10          | Ông Nguyễn Hoàng Lâm /<br>Mr. Nguyễn Hoàng Lâm         |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con /<br>Child                                                       |
| VII         | Bà Nguyễn Thị Thu Trang /<br>Mrs. Nguyễn Thị Thu Trang |                                                                                                    | Thành viên BKS /<br>Member of the<br>Supervisory Board                  |                                                     |                            |                            |                             | 70.000                                                                                     | 0,03%                                                                                                |                                                                      |
| 1           | Ông Nguyễn Xuân Bách /<br>Mr. Nguyễn Xuân Bách         |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chồng /<br>Husband                                                   |
| 2           | Ông Nguyễn Văn Luân /<br>Mr. Nguyễn Văn Luân           |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố đẻ /<br>Biological father                                         |
| 3           | Bà Phạm Thị Hoa /<br>Mrs. Phạm Thị Hoa                 |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ ruột /<br>Biological mother                                       |
| 4           | Ông Nguyễn Xuân Tuấn /<br>Mr. Nguyễn Xuân Tuấn         |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố chồng /<br>Father-in-law<br>(husband's side)                      |
| 5           | Bà Vũ Thị Linh /<br>Mrs. Vũ Thị Linh                   |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ chồng /<br>Mother-in-law<br>(husband's side)                      |
| 6           | Ông Nguyễn Ngọc Hiếu /<br>Mr. Nguyễn Ngọc Hiếu         |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em ruột /<br>Biological younger<br>sibling                           |
| 7           | Bà Trần Thị Chi /<br>Mrs. Trần Thị Chi                 |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em dâu /<br>Sister-in-law<br>(younger brother's<br>wife)             |
| 8           | Ông Nguyễn Xuân Cường /<br>Mr. Nguyễn Xuân Cường       |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con ruột /<br>Biological child                                       |
| VIII        | Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm /<br>Mrs. Nguyễn Thị Hồng Thắm |                                                                                                    | Kế toán trưởng /<br>Chief Accountant                                    |                                                     |                            |                            |                             | 50.000                                                                                     | 0,02%                                                                                                |                                                                      |
| 1           | Ông Nguyễn Văn Túc /<br>Mr. Nguyễn Văn Túc             |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố đẻ /<br>Biological father                                         |
| 2           | Bà Vũ Thị Sáng /<br>Mrs. Vũ Thị Sáng                   |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ đẻ /<br>Biological mother                                         |
| 3           | Ông Nguyễn Văn Tới /<br>Mr. Nguyễn Văn Tới             |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Anh trai /<br>Elder brother                                          |
| 4           | Bà Nguyễn Thị Hà /<br>Mrs. Nguyễn Thị Hà               |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chị dâu /<br>Sister-in-law                                           |
| 5           | Bà Nguyễn Thị Định /<br>Mrs. Nguyễn Thị Định           |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chị gái /<br>Elder sister                                            |
| 6           | Ông Phạm Văn Hồng /<br>Mr. Phạm Văn Hồng               |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Anh rể /<br>Brother-in-law                                           |
| 7           | Ông Nguyễn Thành Đạt /<br>Mr. Nguyễn Thành Đạt         |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chồng /<br>Husband                                                   |
| 8           | Ông Nguyễn Văn Mùi /<br>Mr. Nguyễn Văn Mùi             |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố chồng /<br>Father-in-law<br>(husband's side)                      |
| 9           | Bà Nguyễn Thị Hồng /<br>Mrs. Nguyễn Thị Hồng           |                                                                                                    |                                                                         |                                                     |                            |                            |                             | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ chồng /<br>Mother-in-law<br>(husband's side)                      |

NGH  
 AT  
 YEN  
 1  
 2

| STT/<br>No. | Họ tên/<br>Full Name                                                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/<br>Position at the company<br>(if any)                                                              | Số CMND /Hộ<br>chiếu/<br>ID card<br>No./Passport No | Ngày cấp/<br>date of issue | Nơi cấp/<br>place of issue                                                    | Địa chỉ liên hệ/<br>Address                                                                                              | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ/<br>Number of<br>shares owned at<br>the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú/ MQH với<br>người nội bộ<br>Note/Relationship<br>with Insider |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 10          | Bà Nguyễn Khánh Linh /<br>Mrs. Nguyễn Khánh Linh                          |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con đẻ /<br>Biological child                                          |
| 11          | Bà Nguyễn Thảo Nguyễn /<br>Mrs. Nguyễn Thảo Nguyễn                        |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con đẻ /<br>Biological child                                          |
| 12          | Ông Nguyễn Thành Phong /<br>Mr. Nguyễn Thành Phong                        |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con đẻ /<br>Biological child                                          |
| IX          | Bà Bùi Thị Hải Vân /<br>Mrs. Bùi Thị Hải Vân                              |                                                                                                    | Người phụ trách Kiểm<br>toán nội bộ /<br>Person in charge of<br>Internal Audit                                                       |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 50.000                                                                                     | 0,02%                                                                                                |                                                                       |
| 1           | Bà Lê Thị Na /<br>Mrs. Lê Thị Na                                          |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ /<br>Mother                                                        |
| 2           | Ông Hà Văn Ân /<br>Mr. Hà Văn Ân                                          |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố chồng /<br>Father-in-law<br>(husband's side)                       |
| 3           | Bà Nguyễn Thị Thủy /<br>Mrs. Nguyễn Thị Thủy                              |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ chồng /<br>Mother-in-law<br>(husband's side)                       |
| 4           | Bà Bùi Thị Hải Lý /<br>Mrs. Bùi Thị Hải Lý                                |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chị gái /<br>Elder sister                                             |
| 5           | Ông Hoàng Xuân Phương /<br>Mr. Hoàng Xuân Phương                          |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Anh rể /<br>Brother-in-law                                            |
| 6           | Ông Hà Trung Kiên /<br>Mr. Hà Trung Kiên                                  |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Chồng /<br>Husband                                                    |
| 7           | Ông Hà Minh Phong /<br>Mr. Hà Minh Phong                                  |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con trai /<br>Son                                                     |
| 8           | Ông Hà Minh Vũ /<br>Mr. Hà Minh Vũ                                        |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Con trai /<br>Son                                                     |
| 9           | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát /<br>Hoa Phat Group Joint Stock Company |                                                                                                    |                                                                                                                                      | 0900189284                                          | 11/08/2025                 | Sở tài chính tỉnh Hưng Yên /<br>Department of Finance of<br>Hung Yen Province | KCN Phố Nối A, xã Nguyễn<br>Văn Linh, tỉnh Hưng Yên /<br>KCN Pho Noi A, Nguyen Van<br>Linh Commune, Hung Yen<br>Province | 240.926.782                                                                                | 84,54%                                                                                               | Tổ chức có liên quan /<br>Related organization                        |
| X           | Bà Tào Nguyệt Ánh /<br>Mrs. Tào Nguyệt Ánh                                |                                                                                                    | Người phụ trách quản<br>trị công ty kiêm Thư ký<br>công ty /<br>Person in charge of<br>Corporate Governance<br>cum Company Secretary |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 70.251                                                                                     | 0,03%                                                                                                |                                                                       |
| 1           | Ông Tào Quang Sinh /<br>Mr. Tào Quang Sinh                                |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Bố đẻ /<br>Biological father                                          |
| 2           | Bà Nguyễn Thị Kim Oanh /<br>Mrs. Nguyễn Thị Kim Oanh                      |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Mẹ /<br>Mother                                                        |
| 3           | Bà Tào Nhật Ánh /<br>Mrs. Tào Nhật Ánh                                    |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em gái /<br>Younger sister                                            |
| 4           | Ông Nguyễn Xuân Thông /<br>Mr. Nguyễn Xuân Thông                          |                                                                                                    |                                                                                                                                      |                                                     |                            |                                                                               |                                                                                                                          | 0                                                                                          |                                                                                                      | Em rể /<br>Brother-in-law<br>(younger sister's<br>husband)            |

